

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DK
TỈNH KH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/DS-ST
Ngày 07 tháng 5 năm 2021
V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DK- TỈNH KH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Kim Vinh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hòa

Ông Võ Thành Nhân

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Đình Vân Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dk- KH.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dk- KH tham gia phiên tòa: Ông Hồ Hữu Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dk- tỉnh KH xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 55/2020/TLST-DS ngày 16/7/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/QĐXXST-DS ngày 22/3/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2021/QĐST-DS ngày 20/4/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần C

Trụ sở: 2 Nguyễn Thị Minh, phường 1, quận 2, Thành phố M.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: ông Võ X - sinh năm 1990 là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần C (Văn bản ủy quyền số 435/UQ-QLN.21 ngày 30/3/2021).

Địa chỉ: Số 4 Trần Phú, phường Tây, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* Bà Trần H - sinh năm 1977

Ông Nguyễn L - sinh năm 1981

Đều trú tại: thôn Tây, xã D, huyện Dk, tỉnh KH.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 17/6/2020, bản tự khai ngày 10/8/2020, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Ngày 31/7/2017, giữa Ngân hàng thương mại cổ phần C với ông Nguyễn L, bà Trần H có ký kết hợp đồng tín dụng số

PHS.CN 253.300617 với số tiền vay 170.000.000 đồng, với lãi suất trong hạn 10,8%/năm, lãi suất được cố định trong thời hạn 03 tháng, lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, lãi suất phạt chậm trả 10%/năm, thời hạn vay 60 tháng (từ ngày 01/8/2017 đến ngày 31/7/2022), mục đích vay vốn là phục vụ nhu cầu đời sống. Để đảm bảo cho khoản vay trên, ông L, bà H đã sử dụng tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (diện tích 160,0m² đất thuộc thửa số 1075, tờ bản đồ số 13) tại thôn Tây - xã D - huyện DK theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH730337, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH03264 do UBND huyện DK cấp ngày 30/3/2017 mang tên Nguyễn L thế chấp cho Ngân hàng thương mại cổ phần C theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số PHS.BĐCN. 198.300617 ngày 28/7/2017, đã được công chứng tại văn phòng Công chứng số 1 tỉnh KH, số công chứng 4519, quyền số 5 TC TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/7/2017, đăng ký giao dịch bảo đảm vào ngày 31/7/2017. Đến tháng 01/2020, ông L, bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng thương mại cổ phần C đã nhiều lần liên hệ với ông L, bà H và nơi ông L, bà H cư trú nhưng được biết ông L, bà H đã không còn ở tại địa chỉ thôn Tây 2 - xã D - huyện DK như đã cung cấp cho Ngân hàng thương mại cổ phần C, nhưng không báo lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần C được biết. Tính đến ngày 07/5/2021, ông L, bà H còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần C số tiền là 111.726.849 đồng (Trong đó: gốc là 90.648.000 đồng, lãi trong hạn 1.151.342 đồng, lãi quá hạn 18.886.049 đồng, lãi chậm trả 1.041.458 đồng). Ngân hàng thương mại cổ phần C yêu cầu ông L, bà H thanh toán dứt điểm toàn bộ số nợ này và các khoản lãi phát sinh tính từ ngày 08/5/2021 cho đến khi trả hết nợ theo hợp đồng tín dụng số hợp đồng tín dụng số PHS.CN 253.300617. Nếu ông L, bà H không thanh toán số nợ nêu trên thì Ngân hàng thương mại cổ phần C có toàn quyền yêu cầu cơ quan chức năng xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số PHS.BĐCN. 198.300617 ngày 28/7/2017.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn ông Nguyễn L, bà Trần H nhưng vẫn không đến Tòa án làm việc, ông L, bà H vẫn cố tình vắng mặt. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản, giấy tờ tài liệu cần thiết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ban đầu đề nghị Tòa án buộc ông Nguyễn L, bà Trần H thanh toán dứt điểm toàn bộ số nợ tạm tính đến ngày 07/5/2021 là 111.726.849 đồng (Trong đó: gốc là 90.648.000 đồng, lãi trong hạn 1.151.342 đồng, lãi quá hạn 18.886.049 đồng, lãi chậm trả 1.041.458 đồng) và các khoản lãi, phí phát sinh tính từ ngày 08/5/2021 cho đến khi trả hết nợ theo hợp đồng tín dụng số PHS.CN 253.300617. Nếu ông L, bà H không thanh toán số nợ nêu trên thì Ngân hàng thương mại cổ phần C có toàn quyền yêu cầu cơ quan chức năng xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số PHS.BĐCN. 198.300617 ngày 28/7/2017. Bị đơn ông L, bà H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện DK phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự trong vụ án: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng, đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã tuân thủ theo đúng quy định tại các Điều 70 và 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã vi phạm quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: ông Nguyễn L, bà Trần H đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng ông L, bà H vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông L, bà H.

[2] Về nội dung: Qua đơn khởi kiện, bản tự khai của người đại diện Ngân hàng thương mại cổ phần C, hợp đồng tín dụng số PHS.CN 253.300617 và kế ước nhận nợ số 243046009 ngày 31/7/2017 thể hiện Ngân hàng thương mại cổ phần C có cho ông Nguyễn L, bà Trần H vay số tiền 170.000.000 đồng, với lãi suất trong hạn 10,8%/năm, lãi suất được cố định trong thời hạn 03 tháng, lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, lãi suất phạt chậm trả 10%/năm, thời hạn vay 60 tháng (từ ngày 01/8/2017 đến ngày 31/7/2022), mục đích vay vốn là phục vụ nhu cầu đời sống.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng nêu trên, ông L, bà H đã trả được 114.400.921 đồng, điều này cho thấy ông L và bà H có vay của Ngân hàng thương mại cổ phần C số tiền 170.000.000 đồng, nhưng đến tháng 01/2020 thì ông L, bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần C. Ngân hàng thương mại cổ phần C đã nhiều lần liên hệ với ông L, bà H và nơi ông L, bà H cư trú nhưng được biết ông L, bà H đã không còn ở tại địa chỉ thôn Tây - xã D - huyện DK như đã cung cấp cho Ngân hàng thương mại cổ phần C, nhưng không báo lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần C được biết. Khi vay tiền Ngân hàng thương mại cổ phần C, ông L, bà H có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn Tây, xã D, huyện Dk, tỉnh KH. Qua xác minh tại Công an xã D, được biết ông L, bà H đã không có mặt tại địa phương từ năm 2017 đến nay. Việc ông L, bà H bỏ đi khỏi nơi cư trú mà không thông báo địa chỉ nơi cư trú mới cho Ngân hàng thương mại cổ phần C là đã vi phạm thỏa thuận được ký kết tại hợp đồng thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số PHS.CN.252.300617. Đây là trường hợp ông L, bà H có tình giấu địa chỉ. Do đó, Ngân hàng thương mại cổ phần C khởi kiện yêu cầu ông L, bà H thanh toán toàn bộ số nợ gốc và lãi tính đến thời điểm xét xử là có căn cứ.

[3] Về lãi suất vay trong hạn, lãi suất quá hạn và lãi suất chậm trả lãi: Khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015 quy định “*Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như sau: a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này; b) Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa*

trả bằng 150% lãi suất vay theo Hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả trừ trường hợp có thỏa thuận khác”. Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 “Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác....”; điểm 2 Điều 8 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm quy định: “Tại thời điểm xét xử sơ thẩm, lãi, lãi suất trong hợp đồng tín dụng xác lập kể từ ngày 01-01-2017 được xác định như sau: a) Lãi trên nợ gốc, lãi trên nợ gốc quá hạn được xác định theo quy định tại khoản 1 Điều này. b) Trường hợp khách hàng không trả đúng hạn tiền lãi trên nợ gốc theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng, thì phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận nhưng không vượt quá mức lãi suất giới hạn mà pháp luật quy định tương ứng với thời gian chậm trả lãi trên nợ gốc trong hạn”. Vì vậy, mà đối với những khoản lãi suất này, Hội đồng xét xử chấp nhận lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn và lãi chậm trả mà các bên đã thỏa thuận.

[4] Khi ông L, bà H vay của Ngân hàng thương mại cổ phần C thì ông L, bà H có thể chấp cho Ngân hàng thương mại cổ phần C quyền sử dụng thửa đất số 1075, tờ bản đồ số 13 tại thôn Tây - xã D - huyện DK (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH730337, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH03264 do UBND huyện DK cấp ngày 30/3/2017 mang tên Nguyễn L) theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số PHS.BĐCN. 198.300617 ngày 28/7/2017. Do đó, nếu ông L, bà H không trả được nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần C thì Ngân hàng thương mại cổ phần C có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp.

[5] Nếu ông L, bà H trả nợ xong cho Ngân hàng thương mại cổ phần C thì Ngân hàng thương mại cổ phần C phải trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CH730337, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH03264 do UBND huyện DK cấp ngày 30/3/2017 cho ông L.

[6] Ngoài khoản nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi suất chậm trả, phí mà ông L, bà H phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần C theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm thì ông L, bà H còn phải tiếp tục thanh toán các khoản tiền này tính từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm. Điều này đã được quy định rõ tại Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do đó, tại phần quy định chung cũng cần áp dụng Án lệ số 08/2016/AL của Tòa án nhân dân tối cao.

[7] *Về chi phí tố tụng*: do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần C nên ông L, bà H phải thanh toán lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần C chi phí thẩm định, đo vẽ và định giá tài sản là 2.700.000 đồng (Hai triệu bảy trăm nghìn đồng).

[8] *Về án phí*: do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần C nên ông L, bà H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 91, 94 và 95 của Luật các tổ chức tín dụng; điểm 2 Điều 8 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 của của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Áp dụng Án lệ 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/8/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần C.

Buộc ông Nguyễn L, bà Trần H phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần C số tiền nợ tạm tính đến ngày 07/5/2021 là 111.726.849 đồng (Một trăm mười một triệu bảy trăm hai mươi sáu nghìn tám trăm bốn mươi chín đồng) - Trong đó: nợ gốc là 90.648.000 đồng (Chín mươi triệu sáu trăm bốn mươi tám nghìn đồng), lãi trong hạn 1.151.342 đồng (Một triệu một trăm năm mươi một nghìn ba trăm bốn mươi hai đồng), lãi quá hạn 18.886.049 đồng (Mười tám triệu tám trăm tám mươi sáu nghìn không trăm bốn mươi chín đồng), lãi chậm trả 1.041.458 đồng (Một triệu không trăm bốn mươi một nghìn bốn trăm năm mươi tám đồng) và các khoản lãi, phí phát sinh tính từ ngày 08/5/2021 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần C theo hợp đồng tín dụng số PHS.CN 253.300617 ngày 31/7/2017.

Sau khi ông L, bà H trả hết nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần C thì Ngân hàng thương mại cổ phần C trả lại cho ông L giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CH730337, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH03264 do UBND huyện Dk cấp ngày 30/3/2017 mang tên Nguyễn L.

Nếu ông L, bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần C yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Dk xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số PHS.BĐCN. 198.300617 ngày 28/7/2017.

Quy định chung: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay

theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Chi phí tố tụng: ông Nguyễn L và bà Trần H hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần C chi phí thẩm định, đo vẽ, định giá tài sản là 2.700.000đ (*Hai triệu bảy trăm nghìn đồng*).

3. Về án phí: ông Nguyễn L, bà Trần H nộp 5.586.000 đồng (*Năm triệu năm trăm tám mươi sáu nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần C 2.391.000đ (*Hai triệu ba trăm chín mươi một nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tiền số AA/2019/0001706 ngày 16/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện DK- KH.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Kim Vinh

Nơi nhận:

- TAND tỉnh KH;
- VKSND huyện Dk;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Dk;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.